

Số: 106/NQ-HĐND

TP. Sơn La, ngày 30 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công
thành phố Sơn La năm 2022 (đợt 6)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA
KHOÁ XX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Luật đầu tư công năm 2019;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND thành phố: số 66/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về việc phê chuẩn kế hoạch đầu tư công thành phố Sơn La năm 2022; số 73/NQ-HĐND ngày 25/4/2022 về việc chủ trương điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công thành phố năm 2022 (đợt 1); số 88/NQ-HĐND ngày 10/7/2022 về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công thành phố Sơn La năm 2022 (đợt 2); số 92/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 về việc điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công thành phố Sơn La năm 2022 (đợt 3); số 96/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 về kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia; số 101/NQ-HĐND ngày 31/10/2022 của điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công thành phố Sơn La năm 2022 (đợt 5);

Xét Tờ trình số 508/TTr-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố; Báo cáo thẩm tra số 224/BC-HĐND ngày 28/11/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thành phố và thảo luận của đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công thành phố năm 2022 (đợt 6) với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh, phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất chuyển nguồn sang năm 2022

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của của 01 dự án: 30,031 triệu đồng.
- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn của của 01 dự án: 30,031 triệu đồng.

(Biểu chi tiết số 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh, phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2022

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của của 14 dự án: 9.253,631 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn của 04 dự án: 9.253,631 triệu đồng.

(Biểu chi tiết số 02 kèm theo)

3. Tổng kế hoạch vốn sau điều chỉnh: 195.844,856 triệu đồng

(Biểu chi tiết số 03 kèm theo)

4. Các nội dung khác: Không thay đổi, tiếp tục thực hiện theo các Nghị quyết của HĐND thành phố về phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn đến đợt 5 năm 2022.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban HĐND, tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Sơn La khóa XX, Kỳ họp chuyên đề lần thứ mười một thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực thành uỷ;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố khóa XX;
- Văn phòng HĐND - UBND thành phố;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, 100 bản.

CHỦ TỊCH



Hà Trung Chiến

ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 - ĐỢT 6
Nguồn thu tiền sử dụng đất chuyển nguồn sang năm 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND thành phố Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục công trình/ dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lấy kế các nguồn vốn đã giao đến hết năm 2021	Nhu cầu vốn để triển khai năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022				Ghi chú
					Số QĐ - ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn NSNN			Kế hoạch vốn giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
											Tăng	Giảm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ									3.263,434	30,031	30,031	3.263,434	
I	ĐIỀU CHỈNH GIẢM									105,031	-	30,031	75,000	
*	Dự án chuyển tiếp													
1	Hệ thống mương thoát nước từ tổ 8 đến bản Nà Cạn, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Ban QLDA	L=11m	2021	799-23/4/2021	230,000	230,000	94,969	75,000	105,031	-	30,031	75,000	Thừa KHV
II	ĐIỀU CHỈNH TĂNG									3.158,403	30,031	-	3.188,434	
*	Dự án chuyển tiếp													
1	Khu dân cư ngã tư Quyết Thắng - Bản Buôn phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La (giai đoạn II)	Ban QLDA	6,59 ha	2017-2022	2763-31/10/2017; 453-10/3/2022	24.999,961	24.999,961	11.567,104	7.951,567	3.158,403	30,031	-	3.188,434	Lồng ghép KHV nguồn đất 2022: 4.762,863 trđ



Hà Trung Chiến



ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2022 - ĐỢT 6
Nguồn thu tiền sử dụng đất
(Kèm theo Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND thành phố Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục công trình/ dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lấy kế các nguồn vốn đã giao đến hết năm 2021	Nhu cầu vốn để triển khai năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú	
					Số QĐ - ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn NSNN			Kế hoạch vốn giao	Điều chỉnh			Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
											Tăng	Giảm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ									35.367,323	9.253,631	9.253,631	35.367,323	
I	ĐIỀU CHỈNH GIẢM									22.403,635	-	9.253,631	13.150,004	
*	Dự án hoàn thành									3.482,378	-	126,785	3.355,593	
1	Hệ thống điện chiếu sáng một số tuyến đường thành phố Sơn La	Phòng QLĐT	Hệ thống điện chiếu sáng L=7.610m	2019-2020	1186-14/5/2019	4.974,720	4.974,720	4.488,024	459,114	486,696	-	27,582	459,114	Thừa KHV
2	Khu dân cư tổ 12, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	Ban QLDA	S=6.560m2	2020-2021	3074-23/10/2020	3.372,934	3.372,934	2.000,000		1.000,000	-	68,604	931,396	Thừa KHV
3	Hệ thống mương thoát nước từ tổ 8 đến bản Nà Cạn, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Ban QLDA	L=11m	2021	799-23/4/2021	230,000	230,000	94,969	-	30,000	-	30,000	-	Thừa KHV
4	Chỉnh trang đô thị phục vụ các ngày lễ lớn năm 2021 trên địa bàn thành phố	Ban QLDA	Chỉnh trang	2021	2272 - 14/10/2021	3.138,843	3.138,843	1.000,000	1.965,083	1.965,682	-	0,599	1.965,083	Thừa KHV
*	Dự án chuyển tiếp									16.416,205	-	7.126,829	9.289,376	
1	Nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 6 - Trung tâm xã Chiềng Cọ (đoạn từ Km 307+100 thuộc dự án đường Quốc lộ 6 tránh thành phố đi Trung tâm xã Chiềng Cọ)	Ban QLDA	L= 1,5km	2021-2022	925 - 10/5/2021	5.997,809	5.997,809	2.000,000	2.249,444	3.200,000	-	950,556	2.249,444	Điều chỉnh giảm 1 phần KHV
2	Nhà vệ sinh khu công cộng thuộc Quảng trường Tây Bắc, thành phố Sơn La	Ban QLDA	S=122m2	2021-2022	1819-20/8/2021	1.499,829	1.499,829	450,000	951,893	1.000,000	-	48,107	951,893	Thừa KHV
3	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học và THCS Chiềng Ngần B, thành phố Sơn La	Ban QLDA	NLH 2T4P, S=320m2, 2T8P, S=550m2	2021-2024	2092-24/9/2021	1.999,253	1.999,253	600,000	1.335,456	1.339,006	-	3,550	1.335,456	Thừa KHV

TT	Danh mục công trình/ dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế các nguồn vốn đã giao đến hết năm 2021	Nhu cầu vốn để triển khai năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022				Ghi chú
					Số QĐ - ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn NSNN			Kế hoạch vốn giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
											Tăng	Giảm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
4	Xây dựng công trình chiến đấu, cải tạo 01 hang động tại bản Tông, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Ban CHQS	Chiềng Xôm	Nhà làm việc, kho và các HMP	2021-2025	2452 - 01/11/2021	3.000,000	991,735	1.000,000	1.800,000	-	800,000	1.000,000	Điều chỉnh giảm 1 phần KHV
5	Khu dân cư Mế Ban, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Ban QLDA	S=22.452m ²	2020-2022	3069- 22/10/2020	21.992,138	21.992,138	-	-	1.500,000	-	1.500,000	-	Đang triển khai GPMB
6	Khắc phục, xử lý chống sạt lở đất do ảnh hưởng mưa lũ trên địa bàn xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Gia cố mái taluy 05 điểm sạt lở	2021-2023	2257- 13/10/2021	2.999,206	2.999,206	874,591	2.029,583	2.077,199	-	47,616	2.029,583	Thừa KHV
7	Khu tái định cư số 1, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Ban QLDA	5.200m ²	2021-2023	2014- 12/9/2021	12.915,236	12.915,236	-	1.723,000	4.500,000	-	2.777,000	1.723,000	Đang triển khai GPMB
8	Xử lý ngập úng hệ thống thoát nước khu vực tổ 4, 5, 6 phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Đường 33m, tuyến mương 989,4m và HT thoát nước	2021-2023	2133- 30/9/2021	2.203,371	2.203,371	596,191	-	1.000,000	-	1.000,000	-	Đang triển khai GPMB, chưa có KLHT; tỷ lệ GNTT 0%
*	Khởi công mới	Ban QLDA								2.505,052	-	2.000,017	505,035	
1	Nâng cấp hệ thống nước sạch bản Hải, phường Chiềng An, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Bể chứa 80m ³ ; đường ống 530m	2021-2022	2864- 14/12/2021	538,183	538,183	-	505,052	505,052	-	0,017	505,035	Thừa KHV
2	Xây dựng hạ tầng khu đất giáp tuyến đường quy hoạch 25m từ ngã tư Quyết Thắng - bản Buôn đến ngã tư đường Hoàng Quốc Việt	Ban QLDA				2.000,000	2.000,000	-	-	2.000,000	-	2.000,000	-	Đang triển khai GPMB, chưa có KLHT; tỷ lệ GNTT 0%
II	ĐIỀU CHỈNH TĂNG									12.963,688	9.253,631	-	22.217,319	
*	Dự án hoàn thành									411,799	4,010	-	415,809	
1	Hạ tầng khu dân cư Noong Đúc, phường Chiềng Sinh, Thành phố Sơn La	Ban QLDA	S=2.919m ²	2020-2021	3075- 23/10/2020	1.605,686	1.605,686	1.000,00	419,82	411,799	4,010	-	415,809	TTKLHT

TT	Danh mục công trình/ dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế các nguồn vốn đã giao đến hết năm 2021	Nhu cầu vốn để triển khai năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2022				Ghi chú
					Số QĐ - ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn NSNN			Kế hoạch vốn giao	Tăng	Giảm	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
*	Dự án chuyển tiếp									12.551,889	9.249,621	-	21.801,510	
1	Khu tái định cư số 2, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Ban QLDA	1,1ha	2017-2022	2762-31/10/2017 1231-15/6/2022	3.316,928	3.316,928	1.578,551	1.738,377	1.378,725	359,652	-	1.738,377	DAHT, hết thời hạn bố trí vốn năm 2022
2	Hạ tầng khu dân cư lô số 6b, thành phố Sơn La	Ban QLDA	3,57ha	2017-2021	628-03/4/2017	44.996,38	44.996,38	28.197,03	15.300,00	8.300,000	7.000,000	-	15.300,000	DAHT, hết thời hạn bố trí vốn năm 2022
3	Khu dân cư ngã tư Quyết Thắng - Bán Bùn phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La (giai đoạn II)	Ban QLDA	6,59 ha	2017-2022	2763-31/10/2017; 453 - 10/3/2022	24.999,961	24.999,961	11.567,104	7.951,567	2.873,164	1.889,969	-	4.763,133	DAHT, hết thời hạn bố trí vốn năm 2022; lồng ghép nguồn chuyển nguồn sang 2022: 3.188,434 trđ



CHỦ TỊCH

Hà Trung Chiến

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG THÀNH PHỐ SƠN LA NĂM 2022 - SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 30/11/2022 của HĐND thành phố Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
						Số QĐ - ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn NSNN		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
TỔNG CỘNG										
A	NGUỒN BỔ SUNG CÁN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP								195.844,856	
I	Hỗ trợ thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới								15.530,000	
*	Dự án khởi công mới								690,000	
1	Rãnh thoát nước bản Panh, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Xôm	Chiềng Xôm	600m	2022	2256 - 05/10/2022	1.206,739	1.022,109	560,000	
2	Hệ thống rãnh thoát nước bản Phiêng Ngựa, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Xôm	Chiềng Xôm	273,5m	2022	2255 - 05/10/2022	294,594	251,012	130,000	
II	Thực hiện các công trình, dự án								14.840,000	
*	Dự án hoàn thành								2.194,589	
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh mương nội đồng bản Tam, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Phòng Kinh tế	Chiềng Đen	L=764,81 m	2020-2021	2927 - 08/10/2020	718,995	718,995	399,386	
2	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa hệ thống nhà vệ sinh trong các đơn vị trường học trên địa bàn thành phố Sơn La	Ban QLDA	TP Sơn La	17 trường học	2020-2022	3272- 11/11/2020	9.986,279	9.986,279	850,813	
3	Mua sắm trang thiết bị dạy và học cho các đơn vị trường học trên địa bàn thành phố Sơn La	Ban QLDA	TP Sơn La	Thiết bị 17 trường học	2020-2021	3071- 22/10/2020	8.500,000	8.500,000	467,288	
4	Nâng cấp ngã ba đường vào khu đô thị Lam Sơn, thành phố Sơn La	UBND phường Chiềng Lẻ	Phường Chiềng Lẻ, TP Sơn La	Nâng cấp, giải áp phân mặt đường	2021-2022	758 - 19/4/2021	998,810	998,810	477,102	
*	Dự án chuyển tiếp								4.305,411	
5	Trường tiểu học & THCS Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Tô Hiệu	03 tầng 18 phòng	2021-2022	626-05/4/2021	22.734,560	16.734,560	2.305,411	
6	Trường Tiểu học & THCS Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Chiềng Cơi	03 tầng 12 phòng	2021-2023	1016- 20/5/2021	14.920,000	14.920,000	2.000,00	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
						Số QĐ - ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn NSNN		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
*	Dự án khởi công mới								8.340,00	
7	Xây dựng nhà văn hóa xã và các hạng mục phụ trợ xã Hua La, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Hua La	XDM NVH S=250m2 và HMP/T	2022-2023	2870 - 14/12/2021	5.000,00	5.000,00	2.000,00	
8	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Tô Hiệu	CT, SC NLV 3 tầng và HMP/T	2022-2023	2866 - 14/12/2021	360,352	360,352	340,000	
9	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường Chiềng Lẻ, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Chiềng Lẻ	NLV 3 tầng, hạ tầng kỹ thuật và HM phụ trợ khác	2022-2024	691-07/4/2021	20.000,00	20.000,00	6.000,00	
B	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT								165.160,000	
I	Phân bổ chi tiết								165.160,000	
*	Dự án hoàn thành								7.134,356	
1	Trồng cây xanh dọc hành lang giao thông đường Quốc lộ 6, đường Quốc 279D và một số vị trí tại các tuyến đường nội thị, thành phố Sơn La	Phòng Kinh tế	TPSL	Khoảng 1.200 cây lát	2018 - 2019	3154- 30/10/2018	1.849,889	1.849,889	32,935	
2	Hệ thống điện chiếu sáng một số tuyến đường thành phố Sơn La	Phòng QLĐT	TPSL	Hệ thống điện chiếu sáng L=7,610m	2019-2020	1186- 14/5/2019	4.974,720	4.974,720	459,114	
3	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường vào bản Bó, phường Chiềng An, thành phố Sơn La (đoạn từ Quốc lộ 279D đến nhà văn hóa bản Bó)	Ban QLDA DTXD TP	Chiềng An	1.000m	2019-2020	2831- 28/10/2019	4.999,165	4.999,165	1.882,121	
4	Khu vui chơi, giải trí và thể thao xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Xôm	Chiềng Xôm	738,4m2	2018 - 2019	3186- 31/10/2018	999,968	999,968	149,968	
5	Đường giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước vào khu sản xuất tại Phiềng Khá, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Ban QLDA DTXD TP	Chiềng Cơi	Cấp IV	2018-2019	806-13/4/2018	2.000,000	2.000,000	40,733	
6	Kè chắn đất, tường rào trường mầm non Chiềng Lẻ	Ban QLDA DTXD TP	Chiềng Lẻ	L1=6m; L2=25,8m	2020-2021	3073- 23/10/2020	661,543	661,543	132,969	
7	Kè chắn đất, tường rào trường mầm non Hoa Hồng	Ban QLDA DTXD TP	Chiềng Ngần	L=225m	2020-2021	3072- 23/10/2020	1.187,828	1.187,828	95,072	
8	Khu dân cư tổ 12, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	Ban QLDA DTXD TP	Quyết Thắng	S=6.560m2	2020-2021	3074- 23/10/2020	3.372,934	3.372,934	931,396	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
						Số QĐ - ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn NSNN		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
9	Hạ tầng khu dân cư Noong Đức, phường Chiềng Sinh, Thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Chiềng Sinh	S=2.919m ²	2020-2021	3075-23/10/2020	1.605,686	1.605,686	415,809	
10	Nạo vét lòng suối, chỉnh trang dọc kè suối Nậm La (đoạn từ cầu B Quảng trường đến qua tòa nhà Viettel)	Ban QLDA ĐTXD TP	Thành phố Sơn La	San gạt lòng suối L=800m, XD kè rọ đá, sơn cầu 308 và mặt kè suối	2021-2022	491-23/3/2021	645,411	645,411	340,627	
11	Cải tạo, nâng cấp nhà điều hành Ban Quản lý chợ Trung tâm thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Chiềng Lè	Cải tạo, sửa chữa tầng 1, thiết kế tầng 2	2021-2022	621-02/4/2021	849,751	849,751	388,529	
12	Hệ thống mương thoát nước từ tổ 8 đến bản Nà Cạn, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Chiềng Sinh	L= 11m; bố sung tám đan; nạo vét rãnh	2021	799-23/4/2021	230,000	230,000	-	
13	Đường trục bán Coóng Nội (đoạn đường Nguyễn Văn Linh đến công bố Nôm)	UBND phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi	L=766,6m; đường GTNT, Bm=2,5-3m	2020-2022	2719-10/9/2020	800,000	600,000	300,000	
14	Chỉnh trang đô thị phục vụ các ngày lễ lớn năm 2021 trên địa bàn thành phố	Ban QLDA ĐTXD TP	TPSL	Chỉnh trang	2021	2272-14/10/2021	3.138,843	3.138,843	1.965,083	
*	Dự án chuyển tiếp								131.461,728	
15	Khu tái định cư số 2, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Tô Hiệu	1,1ha	2017-2019	2762-31/10/2017; 1231-15/6/2022	3.316,928	3.316,928	1.738,377	
16	Đường Điện lực - Lò Văn Giá, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Quyết Thắng, Chiềng An	3,2km	2018-2020	883-20/4/2018; 520-24/3/2022	50.243,000	50.243,000	13.066,571	
17	Đường Chu Văn An (đường Quốc lộ 6 - Trường đại học Tây Bắc - Nhánh II), thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Quyết Tâm	16,5ha	2013-2021	1603-01/8/2013 688-28/3/2017; 1986-09/9/2020	133.186,623	133.186,623	7.000,000	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
						Số QĐ - ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn NSNN		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
18	Khu dân cư mới đường Chu Văn An, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Quyết Tâm	HTKT cấp III	2016-2021	2981-31/10/2016 1483-15/7/2021	9.357,128	9.357,128	1.673,929	
19	Hạ tầng khu dân cư lô số 6b, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Chiềng An	3,57ha	2017-2022	628-03/4/2017	44.996,381	44.996,381	15.300,000	
20	Xây dựng Khu dân cư mới, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Quyết Thắng	4,6ha	2015-2023	766-25/3/2016; 793-10/5/2022	46.535,38	46.535,38	12.000,000	
21	Nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 6 - Trung tâm xã Chiềng Cọ (đoạn từ Km 307+100 thuộc dự án đường Quốc lộ 6 tránh thành phố đi Trung tâm xã Chiềng Cọ)	Ban QLDA	Chiềng Cọ	L=1,5km	2021-2022	925-10/5/2021	5.997,81	5.997,81	2.249,444	
22	Nhà vệ sinh khu công cộng thuộc Quảng trường Tây Bắc, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Tò Hiệu	S=122m2	2021-2022	1819-20/8/2021	1.499,83	1.499,83	951,893	
23	Sửa chữa, nâng cấp công, tường rào 05 đơn vị trường học trên địa bàn thành phố Sơn La	Ban QLDA	TP Sơn La	S/c 05 trường học	2021-2023	2028-15/9/2021	1.392,99	1.392,99	937,835	
24	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học và THCS Chiềng Ngần B, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Chiềng Ngần	NLH 2T4P, S=320m2, 2T8P, S=550m2	2021-2024	2092-24/9/2021	1.999,25	1.999,25	1.335,456	
25	Điểm trường tiểu học và THCS bản Ái, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Chiềng Xôm	NLH 2T6P, S=670m2,nhà bếp ăn 1T, S=181m2 và HMP1	2020-2022	1404-24/6/2020	4.783,28	4.783,28	3.198,872	
26	Xây dựng công trình chiến đấu, cải tạo 01 hang động tại bản Tông, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	Ban CHQS	Chiềng Xôm	Nhà làm việc, kho và các HMP1	2021-2025	2452-01/11/2021	3.000,000	3.000,000	1.000,000	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
						Số QĐ - ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn NSNN		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
27	Các tuyến đường nhánh Khu dân cư Đồi Châu	UBND Phường Chiềng Lè	Chiềng Lè	Đường GT L=393 m; hệ thống thoát nước	2017-2022	2765 - 31/10/2017; 2492 - 08/11/2021	1.582,19	1.582,19	340,000	
28	Khu dân cư Mé Ban, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Chiềng Cơi	S=22.452m ²	2020-2022	3069- 22/10/2020	21.992,14	21.992,14	-	
29	Trường TH&THCS Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Tô Hiệu	Xây mới nhà lớp học 03 tầng 18 phòng	2021-2022	626-05/4/2021	22.734,56	16.734,56	3.662,350	
30	Trường TH&THCS Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Chiềng Cơi	XD 01 nhà lớp học 3t12p; CT, SC 2 nhà lớp học, hệ thống phụ trợ	2021-2023	1016 - 20/5/2021	14.920,00	14.920,00	8.500,000	
31	Xử lý ngập úng hệ thống thoát nước khu vực tổ 4,5,6 phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Tô Hiệu	Đường 33m, tuyến mương 989,4m và HT thoát nước	2021-2023	2133- 30/9/2021	2.203,371	2.203,371	0,000	
32	Khắc phục, xử lý chống sạt lở đất do ảnh hưởng mưa lũ trên địa bàn xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Chiềng Đen	Gia cố mái taluy 05 điểm sạt lở	2021-2023	2257- 13/10/2021	2.999,206	2.999,206	2.029,583	
33	Hạ tầng khu dân cư số 1A, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Chiềng Cơi	6,0ha	2021-2023	1088- 31/5/2021	94.000,00	94.000,00	40.500,000	
34	Khu tái định cư số 1, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Chiềng Cơi	S=5.200m ²	2021-2023	2014- 12/9/2021	12.915,24	12.915,24	1.723,000	
35	Khu tái định cư số 2, phường Chiềng Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Chiềng Cơi	S=6.559m ²	2021-2023	2015- 12/9/2021	9.997,02	9.997,02	6.500,000	
36	Khu dân cư ngã tư Quyết Thắng - Bàn Bùn phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La (giai đoạn I)	Ban QLDA ĐTXD TP	Chiềng Cơi	5,5ha	2017-2018	2637- 09/9/2015 428-03/3/2017	31.078,286	31.078,286	2.105,506	
37	Khu dân cư ngã tư Quyết Thắng - Bàn Bùn phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La (giai đoạn II)	Ban QLDA ĐTXD TP	Chiềng Cơi	6.559m ²	2021-2023	2763- 31/10/2017; 453 - 10/3/2022	24.999,960	24.999,960	4.763,133	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
						Số QĐ - ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn NSNN		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
38	Khu tái định cư khu Đồi Châu, phường Chiềng Lẻ, thành phố Sơn La	UBND phường Chiềng Lẻ	Chiềng Lẻ	HTKT	2016-2022	1249 - 17/6/2022	885,78	885,78	885,779	
*	Dự án khởi công mới								26.563,916	
39	Đường trục bán Châu Cọ, phường Chiềng Cỏi, thành phố Sơn La	Ban QLDA DTXD TP	Chiềng Cỏi	L=1,874 km	2021-2022	2865- 14/12/2021	2.500,00	2.250,00	2.060,060	
40	Màn hình điện tử Led tại vườn hoa cầu Trắng, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La	Ban QLDA DTXD TP	Tô Hiệu	S khung 33m ² ; S màn hình 27m ²	2021-2022	2871 - 14/12/2021	948,99	948,99	901,538	
41	Xây dựng hạ tầng khu đất giáp tuyến đường quy hoạch 25m từ ngã tư Quyết Thắng - bản Bùn đến ngã tư đường Hoàng Quốc Việt	Ban QLDA DTXD TP	Chiềng Cỏi	GPMB, hạ tầng khu dân cư, diện tích 4.000 m ²	2021-2023	2851 - 14/12/2021	4.917,19	4.917,19	-	
42	Đường đầu nối vào Trường Đại học Tây Bắc, thành phố Sơn La	Ban QLDA DTXD TP	Quyết Tâm	L=70m	2022-2025	2869 - 14/12/2021	1.700,00	1.700,00	1.500,000	
43	Nâng cấp hệ thống nước sạch bản Hải, phường Chiềng An, thành phố Sơn La	Ban QLDA DTXD TP	Chiềng An	Bể chứa 50m ³ , đường ống 530m và các HMPPT khác	2022	2864 - 14/12/2021	560,00	560,00	505,035	
44	Cải tạo, xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung bản Cọ phường Chiềng An, thành phố Sơn La	Ban QLDA DTXD TP	Chiềng An	317 hộ	2022-2025	2867 - 14/12/2021	1.880,00	1.880,00	1.597,283	
45	Trụ sở làm việc Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Sơn La	Ban QLDA DTXD TP	Chiềng Lẻ	S=1,2Ha01 nhà 6T; 01 nhà 03T	2021-2023	2868- 14/12/2021	150.000,00	150.000,00	18.000,000	
46	Di chuyển các hộ dân ra khỏi khu vực nguy hiểm (trượt sạt lở) tổ 9, phường Chiềng Lẻ, thành phố Sơn La	UBND phường Chiềng Lẻ	Chiềng Lẻ	08 hộ	2022-2024	2177 - 28/9/2022	2.149,49	2.149,49	2.000,00	
II	Phân bổ chi tiết sau								0	
C	CHUYÊN NGUỒN SANG NĂM 2022 (PHÂN BỐ LẠI)								6.926,856	
I	Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp năm 2021								16,352	
*	Dự án khởi công mới									

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
						Số QĐ - ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn NSNN		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Xây dựng nhà văn hóa xã và các hạng mục phụ trợ xã Hua La, thành phố Sơn La	Ban QLDA	Hua La	XDM NVH S=250m2 và HMPT	2022-2023	2870 - 14/12/2021	5.000,000	5.000,000	16,352	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất								4.938,993	
*	Dự án chuyển tiếp									
1	Khu dân cư ngã tư Quyết Thắng - Bản Buôn phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La (giai đoạn I)	Ban QLDA ĐTXD TP	Chiềng Cơi	5,5ha	2017-2018	2763- 31/10/2017	31.078,286	31.078,286	1.000,000	
2	Khu dân cư ngã tư Quyết Thắng - Bản Buôn phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La (giai đoạn II)	Ban QLDA ĐTXD TP	Chiềng Cơi	6.559m2	2021-2023	2015- 12/9/2021	24.999,960	24.999,960	3.188,434	
3	Hệ thống mương thoát nước từ tổ 8 đến bản Nà Cạn, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Phường Chiềng Sinh	L= 11m; bề sung tám đan; nạo vét rãnh	2021	799 - 23/4/2021	230,000	230,000	75,000	
4	Xây dựng hành lang bảo vệ các mố nước trên địa bàn xã Hua La, thành phố Sơn La	UBND xã Hua La	Hua La	21 mố	2021	2324 - 21/10/2021	836,241	836,241	675,559	
III	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung (Theo QĐ số 1849/QĐ-UBND ngày 30/7/2021)								1.971,511	
*	Dự án chuyển tiếp									
1	Hạ tầng khu dân cư lô số 4 (4b,4c), thành phố Sơn La	Ban QLDA ĐTXD TP	Tô Hiệu, Chiềng Lè	6,318ha	2017-2022	546-23/3/2017 1676- 23/7/2020	64.290,79	64.290,790	1.971,511	
D	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA								8.228,000	
I	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững								76,000	
*	Dự án khởi công mới								76,000	
1	Mua trang thiết bị để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động	Phòng LĐTBXH	Chiềng Lè	Mua sắm trang thiết bị	2022	1902 - 25/8/2022	76,00	76,000	76,000	
II	Chương trình MTQG dân tộc miền núi								3.898,000	
*	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất								445,000	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
						Số QĐ - ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn NSNN		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Hỗ trợ đất ở	Phòng Dân tộc	TP Sơn La	03 hộ	2022	1904 - 25/8/2022	120,00	120,000	120,000	
2	Hỗ trợ nhà ở	Phòng Dân tộc	TP Sơn La	07 hộ	2022	1904 - 25/8/2022	280,00	280,000	280,000	
3	Hỗ trợ đất sản xuất	Phòng Dân tộc	TP Sơn La	02 hộ	2022	1904 - 25/8/2022	45,00	45,000	45,000	
*	Thực hiện đầu tư - dự án khởi công mới								3.453,000	
1	Công trình cấp nước bản Tam, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Ban QLDA DTXD	Chiềng Đen	52 hộ	2022-2024	1905 - 25/8/2022	1.226,913	1.226,913	500,0000	
2	Công trình cấp nước bản Hoàng Văn Thụ, xã Hua La, thành phố Sơn La	Ban QLDA DTXD	Hua La	71 hộ	2022-2024	1906 - 25/8/2022	1.758,525	1.758,525	600,0000	
3	Công trình cấp nước bản Nà Lo, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La	Ban QLDA DTXD	Chiềng Ngần	109 hộ, 01 NVH, 01 lớp học MN	2022-2024	1907 - 25/8/2022	2.134,029	2.134,029	700,0000	
4	Công trình nước sinh hoạt bản Hĩa, xã Hua La, thành phố Sơn La	Ban QLDA DTXD	Hua La	71 hộ, 01 NVH, 01 trường MN	2022-2024	1908 - 25/8/2022	1.134,241	1.134,241	500,0000	
5	Nước sinh hoạt bản Co Phung, xã Hua La, thành phố Sơn La	Ban QLDA DTXD	Hua La	238 hộ, 01 NVH	2022-2024	1909 - 25/8/2022	2.850,727	2.850,727	1.153,0000	
III	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới								4.254,000	
*	Dự án khởi công mới								4.254,000	
1	Đường đi vào khu sản xuất tập trung bản Mường, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Cọ	Chiềng Cọ	L=2.036,06m	2022	1059 - 20/5/2022	2.158,058	1.288,835	646,0000	
2	Đường giao thông trục bản Giăng, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Đen	Chiềng Đen	L=540m	2022	900 - 29/4/2022	539,863	269,932	108,0000	
3	Đường giao thông trục bản Bôm Nam, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Đen	Chiềng Đen	L=1000m	2022	902 - 29/4/2022	1.000,000	500,000	250,0000	
4	Đường giao thông ngõ bản Phiêng Tam, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Đen	Chiềng Đen	L=900m	2022	821 - 27/4/2022	893,369	446,685	200,0000	
5	Đường giao thông ngõ bản Páng, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Đen	Chiềng Đen	L=1.100m	2022	822 - 27/4/2022	1.100,000	550,000	200,0000	
6	Đường giao thông ngõ bản Nam Niệu, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Đen	Chiềng Đen	L=610m	2022	820 - 27/4/2022	609,387	304,693	100,0000	
7	Đường giao thông ngõ bản Phiêng Ngà, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Đen	Chiềng Đen	L=1.200m	2022	819 - 27/4/2022	1.200,000	600,000	300,0000	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
						Số QĐ - ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Nguồn vốn NSNN		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8	Đường giao thông trục bán Sàng (giai đoạn 3), xã Hua La, thành phố Sơn La	UBND xã Hua La	Hua La	L=1702,05m	2022	1030 - 17/5/2022	1.675,594	837,797	400,0000	
9	Đường giao thông trục bán Nẹ Tở, xã Hua La, thành phố Sơn La	UBND xã Hua La	Hua La	L=431,93m	2022	1033 - 17/5/2022	482,886	241,443	100,0000	
10	Đường giao thông trục bán Nam, xã Hua La, thành phố Sơn La	UBND xã Hua La	Hua La	L=1632,4m	2022	1034 - 17/5/2022	1.408,028	704,014	350,0000	
11	Đường giao thông trục bán San (giai đoạn 2), xã Hua La, thành phố Sơn La	UBND xã Hua La	Hua La	L=500m	2022	1032 - 17/5/2022	470,706	235,353	100,0000	
12	Hệ thống mương tưới lợi bán Tông - bán Hụm, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Xôm	Chiềng Xôm	L=615,1 m	2022	803 - 25/4/2022	1.078,782	918,782	450,0000	
13	Hệ thống mương tưới tiêu bán Sàng, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Xôm	Chiềng Xôm	L=582m	2022	1247 - 17/6/2022	497,162	422,113	200,0000	
14	Đập thủy lợi bán Ái, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Xôm	Chiềng Xôm	L=18m, H=5m	2022	1248 - 17/6/2022	845,094	717,542	350,0000	
15	Thủy lợi, kênh mương bán Hùn (giai đoạn 2), xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Cọ	Chiềng Cọ	L=518,58m	2022	785 - 20/4/2022	487,133	424,406	200,0000	
16	Thủy lợi, kênh mương bán Hóm (giai đoạn 2), xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	UBND xã Chiềng Cọ	Chiềng Cọ	L=805,84m	2022	784 - 20/4/2022	742,723	635,221	300,0000	



Hà Trung Chiến